

Diện mạo và đặc điểm du ký về biển đảo Trung Bộ nửa đầu thế kỷ XX

Nguyễn Hữu Sơn

Viện Văn học

Email liên hệ: lavson59@yahoo.com

Tóm tắt:

Bài báo sưu tập, thống kê, phân loại, nhận diện các tác giả, tác phẩm du ký nửa đầu thế kỷ XX viết về vùng duyên hải và biển đảo Trung Bộ; xác định diện mạo, đặc điểm địa văn hóa và ý thức chủ quyền trên vùng duyên hải, biển đảo Trung Bộ; giới thiệu một số tác phẩm du ký tiêu biểu và phân tích vai trò chủ thể tác giả, nội dung xã hội, phạm vi hiện thực, cảnh quan môi trường sinh thái và diện mạo thể văn du ký; nhấn mạnh vị thế thể tài du ký viết về vùng Trung Bộ trong tổng thành nền văn học biển đảo Việt Nam.

Từ khóa: Du ký, Biển đảo, Trung Bộ, Biển đảo Việt Nam.

Abstract:

This paper reviews the travel diaries on the coastal areas and islands of Central Viet Nam in the first half of the twentieth century in terms of collection, statistics, classification and authors' identification. Since then, the author identifies the appearance, geo-cultural characteristics and sense of sovereignty on the coastal areas and islands of Central Viet Nam. In addition, some typical travel writings are introduced in the paper in which the role of authors, social context, realistic scope, ecological environment landscape and the styles of the travel diaries are analysed. Specifically, the author also emphasizes on the position of the styles in travel diaries writing on the Central region in the literature of Viet Namese sea and islands.

Keywords: Travel diary; Sea and islands; Central Viet Nam.

Ngày nhận bài: 8/7/2019

Ngày duyệt đăng: 26/8/2019

1. Đặt vấn đề

Việt Nam có vùng biên giới lãnh hải rộng dài nên đã hình thành cả một tuyến văn hóa duyên hải và biển đảo (gọi chung là vùng văn hóa biển đảo) tiếp nối liên tục từ Quảng Ninh đến Kiên Giang. Trên thực tế, các vùng văn hóa biển đảo có nhiều nét đặc thù, có thể được đặt trong nhiều hệ qui chiếu và tương quan khác nhau trong tổng thể bảng màu văn hóa Việt Nam (Nguyễn Hữu Sơn, 2016, số 6, tr.54-63). Đặt trong mối quan tâm cụ thể về các tác phẩm du ký viết về biển đảo vùng Trung Bộ giai đoạn đầu thế kỷ XX, căn cứ vào cách phân vùng văn

hóa của nhóm nghiên cứu Trần Quốc Vượng (văn hóa biển đảo được lồng ghép, đan xen, phối kết trong ba vùng văn hóa đồng bằng: châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, bên cạnh ba vùng văn hóa miền núi: Tây Bắc, Việt Bắc và Tây Nguyên) (Trần Quốc Vượng, 2003, tr.213-277), chúng tôi đề xuất định hướng nhận diện hệ giá trị lịch sử - văn hóa và chủ quyền duyên hải và biển đảo vùng Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Bắc Bình Thuận), bao gồm hai tiểu vùng văn hóa tương đương hai vùng hải quân: Bắc Trung Bộ (Quảng Bình – Bình Định) và Nam Trung Bộ (Phú Yên – Bắc Bình Thuận).

2. Giới thuyết thể loại du ký và diện mạo du ký Trung Bộ nửa đầu thế kỷ XX

Nói một cách khái quát, các nhà lí luận Việt Nam xác định: “DU KÝ- Một thể loại văn học thuộc loại hình ký mà cơ sở là sự ghi chép của bản thân người đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ hay những nơi ít người có dịp đi đến (...). Dạng du ký khác đậm đà phong vị phương Đông là ghi chép cảm tưởng, nhận xét về những nơi danh lam thắng cảnh đất nước” (Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên, 1992, tr.75-76). Định nghĩa trên đây đã khái quát được những đặc điểm cơ bản nhất của thể tài văn học du ký. Khi nói đến “thể tài du ký”, trong đó có du ký về các vùng biển đảo Trung Bộ, cần được hiểu nhấn mạnh hơn ở phía đề tài, phía nội dung và cảm hứng nghệ thuật nơi người viết, chứ không phải ở phía thể loại. Thu hút vào địa hạt du ký về các vùng biển đảo Trung Bộ có nhiều thể văn khác nhau theo phong cách ghi chép, khảo cứu, hồi ức về các chuyến du ngoạn, các điểm du lịch, các di tích lịch sử, tôn giáo, danh lam thắng cảnh, sinh thái, kiến trúc, mỹ thuật; thậm chí có thể liên quan tới nhiều phương diện của xã hội học, văn hoá học, khảo cổ học, dân tộc học và văn hoá - văn nghệ dân gian khác nữa (Nguyễn Hữu Sơn, 2014, số 9, tr.3-18).

Do đặc điểm địa lý, điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội quy định mà các tiểu vùng văn hóa biển đảo Trung Bộ có những đặc điểm và dấu ấn riêng. Có thể thấy các tác phẩm du ký ở đây thường ngắn gọn, viết nhiều về các đảo, hướng tới nơi đảo xa và hành trình ra biển lớn. Có thể kể đến một số du ký nổi bật: *Đi chơi ngoài Bắc Kỳ, Huế và bên Tàu* của X (Nam Kỳ địa phận, 1917-1918), *Thăm cửa biển Thị Nại, lên núi Hoành Sơn, viếng mộ Tây Sơn* của Đào Hùng (Phụ nữ tân văn, 1930), *Nam du đến ngũ Hành Sơn* của Nguyễn Trọng Thuật (Nam phong Tạp chí, 1933), *Dưới chơn Đèo Cả* của Nguyễn Thị Kiềm (Phụ nữ tân văn, 1934), *Quê hương tôi - Những thắng cảnh của vũ trụ đầu đã bằng quê hương của ta* của Sơn Xuyên (Sài Gòn, 1934), *Ra Cù Lao Yến* của Phan Thị Nga (Ngày nay, 1935), *Một tuần ở đảo Trường Sa* của Vĩnh Phúc (Tràng An báo, 1938), *Vài trang du ký chơi núi Ngũ Hành* của Ngọc Em (Tràng An báo, 1938), *Kỷ niệm Phan Thiết* của Đình Gia Trinh (Thanh nghị, 1942), v.v.

3. Du ký trường thiên ngang qua vùng Trung Bộ

Trong du ký trường thiên *Đi chơi ngoài Bắc Kỳ, Huế và bên Tàu* của ký giả X (một chức sắc Công giáo) in 16 kỳ báo mà ở phần đầu và cuối bài báo có viết về cảnh quan và cuộc sống con người miền Trung. Tác giả quan sát và phát biểu cảm tưởng khi chuyến tàu từ Sài Gòn cập

cảng Đà Nẵng: “Ngày 3 Octobre.- Sáng sáu giờ tàu tới Tourane, bỏ neo đậu khơi ngoài biển, vì vô trong thì cạn lắm. Có tàu xà lúp của Hãng tàu Sở Thương chánh và của sơn đầm ra đặt xét giấy coi chừng có kẻ gian không, và lấy thơ. Có nhiều ghe bầu áp rồi đặt rước bộ hành và bán đồ ăn. Đứng dưới tàu ngó lên ngó lắm. Từ Sài Gòn ra Tourane ngó một bên thì thấy có núi luôn. Tới Tourane thì thấy núi gần hơn và ngó vô thành trông xa thấy nhà cửa coi cũng đẹp lắm, vì có nhiều nhà lầu, nhà làm việc Nhà nước, nhà quan quyền, nhà buôn bán, trại lính, v.v... hẳn hoi lắm” (X. 1917, số 462, tr.780-781)... Từ đây tác giả xuống thăm phố thị cổ Hội An, phác thảo sự phát đạt của việc chế biến chè và đặc tả hình ảnh người phụ nữ: “Tại Fai-Fo có một hàng của người Langsa làm trà lớn lắm, bỏ vô thùng bán về bên Tây và bán cho nhiều hãng khác lớn, bán chẵn bán lẻ. Cách làm trà, lựa trà thì dùng nhiều máy, nhiều cái sàng giống kiểu sàng gạo nhà máy vậy. Hãng này lập hồi năm 1886 và tên là Il Derobert et J Fiard, thật là làm việc đại sự lắm, dùng hơn hai trăm con người ta, phần nhiều hơn là người đàn bà. Hãng này chắc lời lắm vì trà cả và tỉnh Hà Đông đều chở lại một nơi hàng nầy mà bán mà thôi, nên có rẻ, lại công đàn bà một ngày chừng một cắt, một cắt hai xu, còn công đàn ông thì chừng hai cắt trở lại... Khi xe hơi chở về Tourane, đi dọc đường thì thấy đàn bà kéo hủ lô trường tiến cách mạnh mẽ như đàn ông. Thật người đàn bà miệt ngoài mạnh bạo làm ăn hẳn hoi quá; có khi đến sau đây sẽ có đàn bà kéo xe kéo nữa, cái đó cũng sẽ không lạ gì, vì người ta đói khát quá, phải tìm cách mà làm ăn nuôi thân mình” (X. 1918, số 476, tr.781)].

Sau khi ra Bắc, trên đường vào Nam, ký giả qua thăm Vinh, Quảng Trị, Huế rồi vì đường ngập lụt nên phải đi đường bộ qua Lăng Cô vào cảng Đà Nẵng: “Chúng tôi liệu chắc đi nữa thì lỡ đường tối mắc ở giữa rừng rú trên núi không chỗ ngủ, lại sợ có thú chi chằng, nên ở lại Lăng Cô nghỉ luôn đến sớm mai. Săn có nhà nghỉ mát của các thầy Dòng ở Huế để bãi trường ra đó hứng gió biển, thì chúng tôi có xin phép ở đậu đó. Nhà này cất cũng là chắc chắn gọn ghẽ, ở khít mé biển khoan khoái quá. Thật mấy ông thầy Dòng khôn quá, đi đâu cũng kiếm chỗ nhất hơn người ta hết, vì chỗ này quý lắm, nên gần bên đó có cất nhà mát của Đức vua An Nam và của quan Khâm sứ An Nam đang cất. Lối đó có một chòm nhà lá, đứng bên này ngó qua bên kia núi thì thấy nhà giấy xe lửa. Ở đây tựa tựa cũng như gần lối Vũng Tàu, vì có mé biển mát mẻ lắm, song buồn bức quá vì người ta ở ít lắm, cũng khen cho cha sở Lăng Cô ở như vậy hơn mười mấy năm mà cũng vui vẻ bằng lòng như thường, thiệt là có công nghiệp lớn, vì ở như là ông thầy tu rừng quạnh hiu một mình”; rồi qua hôm sau: “Ngày 10 Décembre.- Bây giờ còn phải ở đây mà đợi tàu nữa, thiệt là ngặt quá, cứ ngóng trông hoài mà chưa thấy tăm thấy dạng gì hết. Sớm mới thì thấy trời, trưa thì ngó đất, chiều thì ngó biển mà cũng không thấy chi cả. Túng quá thì tôi ngó trong kiến soi mặt thì mới thấy là thấy tôi mà thôi, vậy nó cũng đỡ một chút, miễn là cho có thấy chi thì cũng là đủ bớt chai ngất. Mà đi chơi ở đâu bây giờ, khi ở Sài Gòn ra ghé Tourane thì là có đi cùng hết rồi, lại thành thị thì cũng không lớn chi, sánh lại thì giống như Vũng Tàu vậy, cách đường xá chợ búa buôn bán thì y như vậy. Khác là có một cái nhà giấy xe lửa, song bây giờ mắc nước lụt hư đường, nên xe không chạy nữa, người làm việc đi đâu mất hết, bỏ nhà giấy quạnh hiu như một cái chùa, thấy nó buồn bức thì là muốn chảy

nước mắt song không chảy làm chi, uống lắm, không ai kể công nghiệp cho mình” (X. 1918, số 476, tr.787-789)... Tác giả tường tả chuyến du ngoạn vất vả gần như kiểu du lịch bụi, gia tăng thêm tiếng nói trữ tình ngoại đề và lời bình phẩm hài hước.

Một trường hợp tương tự, học giả Phạm Quỳnh (1892-1945) trong du ký trường thiên *Pháp du hành trình nhật ký* kể về chuyến tàu ngang qua biển miền Trung: “Say sóng dữ nhất là vào quãng ngang Tourane, Quy Nhơn. Gần tới Sài Gòn thời bể yên, tàu vững, người lại bảnh bao như thường” (Phạm Quỳnh, 1922, số 58, tháng 4, tr.254-255), từ đó chủ ý liên hệ, so sánh với điều kiện tự nhiên, cảnh quan môi trường sinh thái biển đảo vùng Bắc Bộ và Nam Bộ.

Trong một bài ghi chép nhân chuyến đi từ Sài Gòn ra Bắc, vừa thăm những nơi danh lam thắng tích vừa nhằm phỏng vấn các bậc thức giả miền Trung và xứ Bắc, ký giả Đào Hùng phác vẽ những cung đường cheo leo ven biển, đan xen cái đẹp và sự nguy hiểm, vốn là cảnh quan địa lý đặc thù duyên hải Trung Bộ: “Đây xin nhắc lại, lúc xe lửa tới Nha Trang hồi 5 giờ rưỡi sáng. Chúng tôi liền ra xe tốc hành để đi Qui Nhơn. Quãng đường từ Nha Trang ra Qui Nhơn là quãng đẹp nhứt từ Nam ra Bắc, xe chạy men theo mé biển mà toàn thị lên dốc xuống đèo. Đường núi quanh co khuất khúc, uốn lộn như hình con rắn, khúc ngắn khúc dài, khúc cao khúc thấp, có khi xe chạy cả giờ mà không ra khỏi một cái khe núi. Vượt hết cái đèo nọ tới cái đèo kia ngay, vì núi non liên tiếp trập trùng, người cầm tay bánh vô ý một chút là có sự nguy hiểm ngay, xe hoặc không đâm xuống biển thì cũng xô vào núi mà bể tan tành”; cất công đến thăm cảng Thị Nại với tất cả niềm hoài cảm lịch sử và trực diện quan sát cuộc sống thường ngày: “Bến Thị Nại ngày nay kêu là Bến Cũ, các tàu bè không vào được vì bến cạn nên phải vào bến mới là bến Qui Nhơn bây giờ. Ngày xưa vua Gia Long giao chiến với Tây Sơn ở bến nầy bị thất bại, các chiến thuyền bị phá tan, người ta nói rằng lúc ngài đang cơn nguy cấp thì gặp được một ông chài cứu, bơi ghe đưa ngài chạy trốn... Bến Thị Nại chẳng có chi là khác lạ, chỉ là một cái eo biển, xa xa có một dãy núi chắn ngang. Trước kia chẳng biết nước sâu tới chừng nào mà các ghe thuyền giao chiến được, chớ ngày nay thì nông cạn lắm, chỉ ghe nhỏ mới vào được, con nít đùa giỡn thường vẫn dắt nhau lội ra tận ngoài mà chơi” (Đào Hùng, 1930, số 73, ra ngày 2-10, tr.9-12).

Khác biệt hơn, trên báo *Ngày nay* (số 9-1935) có thông tin: “Kỳ sau sẽ có *Ra Cù Lao Yến* của Phan Thị Nga. Công việc lấy yến là một công việc rất nguy hiểm. Muốn điều tra về việc lấy yến, cô Phan Thị Nga mà phóng viên *Ngày nay* đã cất công ra tận Cù Lao Yến khảo sát và chụp ảnh, cô Nga là người đàn bà đầu tiên ra đây. Bài tường thuật sẽ đăng trong số báo sau”. Kịp đến số báo sau lại có lời dẫn: “Cù Lao Yến là một dãy năm, bảy hòn đảo ngoài khơi, cách bờ bể Tourane chừng mười hai cây số”, tiếp theo là phần nội dung in liền trong hai kỳ báo với các đề mục: *Lúc ra đi – Ngoài mặt bể – Trên đỉnh núi – Dưới hang yến – Đi nhờ ghe – Tại bãi làng Yến – Thuận buồm về phố* và kèm theo 7 tấm ảnh (kể cả ảnh bìa). Chuyến đi có thể được qui về kiểu “du lịch mạo hiểm” và thiên du ký đậm đặc chất ghi chép, phóng sự, giàu màu sắc hiện thực, đúng hơn là hiện thực cuộc sống lao động, khai thác yến nghiệt ngã, hiểm nguy.

Ngay cả ở đây nữa, Phan Thị Nga cũng cho thấy sự quả cảm, ý chí dấn thân và trách nhiệm vì nghề nghiệp nhà báo. Chuyến đi được coi như một kỳ tích bởi lần đầu tiên có người phụ vượt biển ra nơi lấy yến, phương tiện chỉ có ghe thuyền nhỏ, chấp nhận sóng gió, chấp nhận hiểm nguy: “Dựa cột buồm, đạp mạnh hai chân trên ván thuyền, tôi đứng vững như một nữ tướng ra binh. Ba mái chèo đập, giọt nước sáng tung rơi trên lát chèo trắng như bạc. Sóng đưa cao, đưa cao... Lệ làng, sóng xuống thấp, xuống thấp!... Chiếc thuyền dúm mũi xuống mặt nước như dõn chơi... Nền trời sâu thẳm, nhìn mặt biển mênh mông, nhìn sóng bập bênh, tôi vui sướng vì đã vào vòng nguy hiểm” (Phan Thị Nga, 1935, số 11, tr.4-5)... Qua những lời đối thoại, ký giả Phan Thị Nga cho biết đám người Khách đã đứng ra thầu việc quản lý, thu hoạch yến và thuê người Việt làm công, sau đưa về chế biến ở Nha Trang, Quy Nhơn, đóng gói bán ở Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng và đưa về Tàu. Qua đây có thể biết được đại khái tình hình giá cả, mức lương, sự nguy hiểm và phần nào qui mô, số lượng người Khách và phương thức buôn bán của Công ty khai thác yến. Điều này cho thấy một thời nguồn lợi kinh tế biển đảo chỉ cách Nha Trang hơn mười cây số cũng bị người Khách vươn tay thôn tính, điều hành, vơ vét, trục lợi.

4. Nhận diện vai trò du ký vùng Trung Bộ ở thời điểm nóng (1938)

Trong bối cảnh năm 1938, chiến tranh thế giới thứ hai đang đến gần, vấn đề chủ quyền biển đảo Hoàng Sa của Việt Nam cũng nóng lên từng ngày và được quốc dân quan tâm sâu sắc. Theo khảo sát bước đầu, rất nhiều trí thức, nhà văn, nhà báo như Thúc Dật, Trương Lập Tạo, Thanh Địch, Khải Hưng, V.N.P, Hoàng Đạo, T.A, Vĩnh Phúc, Hoàng Văn Sự cùng nhiều trang tin trên các báo *Tràng An báo*, *Tiếng dân*, *Sài Gòn*, *Ngày nay*, *Đuốc tuệ*, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, *Trung Bắc tân văn*, *Nước Nam*, *Vì nước*... đã có bài điều tra, sưu tập tư liệu và lên tiếng phân tích, luận bình từ nhiều góc độ khác nhau.

Quan tâm đến chủ quyền biển đảo đất nước, Thúc Dật vừa nhấn mạnh vị thế đảo Hoàng Sa: “Nhơn cuộc Trung - Nhật chiến tranh mà mới đây vấn đề chủ quyền đảo Hoàng Sa lại thấy tranh luận ở giữa nước Pháp và nước Nhật. Dư luận bên Pháp và bên ta rất chú ý đến vấn đề ấy, cho rằng đảo Hoàng Sa là cái chìa khóa của các con đường hàng hải của xứ Đông Pháp”,... vừa nâng tầm trong việc đưa vấn đề chủ quyền Hoàng Sa ra trước tòa quốc tế La Haye và khẳng định ý chí dân tộc: “Thời đối với quần đảo Paracels, nước ta, từ đời vua Hiến Minh (1702) đã có đặt đội quân Hoàng Sa trông nom quần đảo, đã có khai thác tìm được bạc, thiết, đồng, v.v... đã có trồng cây, đã có xây miếu lập bia. Dấu vết đồn binh và kinh lý của nước ta đã hiển nhiên... Nếu vấn đề quần đảo Parscels đem ra giữa tòa án quốc tế La Haye phán xử, thời nước Pháp, lấy danh nghĩa là đại diện cho nước An Nam, chẳng những có thể đem sử sách của ta ra mà chứng cứ, lại còn có thể mượn đoạn sử hàng hải của nước Anh trong năm 1836 và sử Tàu về đời Càn Long (1753) để chứng minh cho lý thuyết của mình. Sự hơn kiện chắc là về phần nước Pháp... Nhưng nếu có một nước nào cậy cường quyền, không kể công lý, đem vũ lực tranh giành quần đảo ấy, thời nước Pháp hiện đứng bảo hộ cho nước Nam, cũng là một nước hùng cường về bậc nhất trên thế giới, không lẽ chịu nhượng bộ để mất lãnh thổ quan yếu ở

hải phận nước ta, và quốc dân ta không lẽ ngồi yên mà chịu mất đất của ông cha mình khai thác mấy trăm năm trước” (Thúc Dật, 1938, số 338, ra ngày 15-7, tr.1+3).

Trong công trình khảo cứu công phu về vấn đề chủ quyền biển đảo Hoàng Sa mang tên *Một vấn đề quốc tế nghiêm trọng hiện thời: lịch sử cận đại của đảo Paracels* nổi dài ba kỳ trên tờ *Tràng An báo* (Huế), ký giả Trương Lập Tạo mở đầu bằng những suy nghĩ nghiêm túc, đầy tinh thần trách nhiệm: “Chúng ta đã biết: từ mấy hôm nay, dư luận thế giới đều xôn xao về vụ nước Pháp cho binh lính An Nam đổ lên quần đảo Paracels - người Tàu gọi là quần đảo Tây Sa?... Chúng tôi chỉ căn cứ về phương diện luật pháp mà xem xét coi quần đảo Tây Sa thuộc quyền sở hữu của nước nào, vậy là chúng tôi đã động đến cái then chốt của một vụ kiện thưa quốc tế có lẽ kéo dài đến cơn binh cách ở Thái Bình Dương sau này” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.1)... Rồi tác giả đi đến kết luận với sự trách cứ thẳng thắn, cụ thể, quyết liệt nhà cầm quyền đương thời nhưng trước sau vẫn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa: “Lịch sử đã chỉ cho ta thấy rằng sự đòi hỏi của họ là không căn cứ vào đâu hết, quần đảo Tây Sa vốn là của nước Nam” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4)... Ký giả Trương Lập Tạo đưa ra chứng dẫn cụ thể và nhấn mạnh, cho đến những năm cuối cùng của thế kỷ 19, chính người Tàu cũng không nhận việc mình quản hạt quần đảo Hoàng Sa. Trên thực tế, vấn đề quần đảo Hoàng Sa không còn là câu chuyện chủ quyền của một nước riêng biệt mà đã được quốc tế hóa, liên quan chặt chẽ tới giao thương hàng hải và sự an toàn đường biển. Trong bối cảnh các nước ngày càng phụ thuộc và có mối liên hệ lẫn nhau thì việc đặt lợi ích quốc gia và quốc tế càng cần trở thành nhận thức chung, tuân theo thông lệ luật pháp và công ước quốc tế. Chính vì thế mà một nước ở xa vùng biển đảo Hoàng Sa như nước Anh vẫn thấy cần có trách nhiệm trong việc xây dựng tuyến đường hàng hải an toàn: “Lúc đó báo chí Anh cũng có nhiều lần ngỏ ý yêu cầu chánh phủ Anh đặt một cây đèn pha lên một đảo nào đó ở Tây Sa, cốt ý của họ cũng không ngoài việc giúp cho sự giao thông được tiện lợi ở quanh vùng này” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4)... Điều này cũng có nghĩa rằng, ngay cả các nước Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Anh,... vẫn có quyền lợi và trách nhiệm liên quan tới quần đảo Hoàng Sa cũng như với bất cứ một tuyến đường hàng hải quốc tế nào trên thế giới. Với cách hiểu như thế thì các nước trên thế giới mới có được tiếng nói chung, xác lập được công ước và lẽ phải để cùng nhau hợp tác, phát triển cũng như giải quyết mọi sự tranh chấp, bất đồng, kể cả việc ngăn chặn mọi tham vọng bá quyền nước lớn. Từ đây, Trương Lập Tạo khẳng định việc nhà nước Việt – Pháp sở hữu quần đảo Hoàng Sa hoàn toàn là một sự thực: “Nhắc lại đoạn trước, bộ thuộc địa có tư lệnh qua Phủ Toàn quyền dạy phúc báo về Bộ những tài liệu về quần đảo Tây Sa, theo như lời yêu cầu của ông Chabrier, nhà viết báo, có ngỏ ý lập tiệm buôn bán thức ăn cho bọn đánh cá nơi đây. Nhờ có Sứ thần Pháp ở Bắc Kinh thuở đó là ông Pichon, quan Toàn quyền Doumer mới trả lời Bộ Thuộc địa biết sự dự định của nhà viết báo Chabrier e khó thành công. Nhưng, thừa dịp đó, quan Toàn quyền Doumer có phát biểu ý kiến yêu cầu chánh phủ Pháp đặt một cây đèn pha nơi đây, để lấy đó làm cơ sở nắm giữ chủ

quyền, sau là không cho một nước nào khác kiếm có lập nghiệp nơi đây, vì sự đó tất có nguy hại cho tình thế của Đông Dương sau này” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4)... Trên thực tế thì vào năm 1937, nhà nước Pháp – Nam đã cho xây dựng cây đèn biển và cử đội lính tập An Nam đồn trú, trấn giữ quần đảo Hoàng Sa.

Với tư cách một học giả, Trương Lập Tạo đã trình ra bức thư của Toàn quyền Đông Dương Pasquier tại Hà Nội gửi Bộ trưởng Thuộc địa Pháp vào ngày 20-3-1930, trong đó quan Toàn quyền đã khẳng định chủ quyền của nhà nước Pháp – Nam đối với quần đảo Hoàng Sa: “Ngài (Bộ trưởng Thuộc địa Pháp – NHS chú) có hỏi tôi cho biết thêm điều chi rõ ràng hơn. Chính là tôi cũng có lo nghĩ về chỗ đó nên ngày 12 Janvier 1929, tôi có tư thư về phủ Khâm sứ Trung Kỳ dạy lục soát trong văn khố Nam triều những tài liệu xác thực về cái chủ quyền của nước Nam ở quần đảo Tây Sa, trong bức thư trả lời tôi đề ngày 22 Janvier 1929, quan Khâm sứ Trung Kỳ Le Fol có bày tỏ rõ ràng lịch sử của Tây Sa, căn cứ theo đó thì **không ai còn chối cãi được cái chủ quyền của Nam triều ở nơi đây** (NHS nhấn mạnh)” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4)... Như vậy, chính quyền Pháp – Nam đương thời đã thấy rõ thực chất cái “sổ đỏ” chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa cũng như ý thức được đầy đủ lợi ích mọi mặt về quân sự, an ninh hàng hải và kinh tế của vùng biển đảo này: “Tôi xin thêm rằng Đông Dương chỉ còn có một nguồn lợi này, nếu được làm chủ quần đảo đó. Là nhờ cái địa thế của nó ở giữa biển Đại Thanh, mà tàu bè đi từ Hồng Kông về Sài Gòn tránh được những cồn của nó nghênh ngang giữa đường. Chánh là ông De Monzie cũng đã có ý nghĩ đặt nơi đây một sở vô tuyến điện để báo tin thời tiết cho tàu bè chạy trong thủy giới Đông Dương biết, tôi tưởng không còn sự ích lợi nào hơn” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4). Rút cuộc, ký giả Trương Lập Tạo tập trung chỉ ra sự phi lý, bất hợp lý của Quốc dân Đảng Trung Hoa trong khả năng đàm phán về vấn đề chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và chính quan điểm có phần bảo thủ, “quân tử nửa vời” của nhà cầm quyền Pháp – Nam. Kết thúc ba kỳ báo, ký giả Trương Lập Tạo trở lại xác định vấn đề giữ chủ quyền quần đảo Hoàng Sa cần phải đặt trên cơ sở liên lập, cộng đồng sức mạnh Việt – Pháp: “Lịch sử đã chỉ cho ta thấy rằng sự đòi hỏi của họ là không căn cứ vào đâu hết, quần đảo Tây Sa vốn là của nước Nam. Của nước Nam, ấy là của nước Pháp” (Trương Lập Tạo, 1938, số 340, ra ngày 22-7, tr.4). Trên thực tế, cách hiểu vấn đề chủ quyền biển đảo Hoàng Sa – Tây Sa “Của nước Nam, ấy là của nước Pháp” ngày ấy cần được đặt trong tính lịch sử cụ thể, trong bối cảnh hòa ước Pháp – Nam và mối liên lập Nam – Pháp đã tồn tại như một khúc quanh tất yếu của lịch sử dân tộc (Nguyễn Hữu Sơn, 2014, số 8, tr.3-18).

Với nhan đề *Vì có vấn đề quần đảo Paracels, danh hiệu nước Việt Nam sẽ xuất hiện trên trường quốc tế: Chúng ta nên nhân dịp này mà làm cho quốc gia Việt Nam được thực hiện*, cây bút chính luận T. A. nêu rõ thực lực dân tộc ngày ấy và bài học liên lập của quốc gia láng giềng Phi Luật Tân (Philippines – NHS chú) và tập trung xét đoán lợi ích khi Việt Nam đứng chân trong định chế bảo hộ Pháp – Việt, từ đó nhấn mạnh xu thế liên lập và phát triển đất nước: “Không ngờ Paracels một chỗ hoang vu cùng tịch lâu nay đối với quốc thổ Việt Nam chẳng có quan

trọng bao nhiêu, bây giờ lại nhờ nó mà khiến cho danh hiệu Việt Nam tiêu điều thắm đậm trong khoảng năm sáu mươi năm nay lại mở ra một tia ánh sáng. Chính là một thời cơ may mắn cho chúng ta vin vào đó mà nói đến việc chấn hưng quốc thể, khôi phục quốc quyền. Chúng tôi không phải nói nhân cơ hội ấy mà đòi quyền độc lập đầu. Ta phải nhìn nhận rằng một nước hèn yếu như nước ta bây giờ, nếu không có Đại Pháp đương đầu thì quần đảo Paracels dù là sở hữu của ta, mà đã là một mối tranh giành giữa Nhật với Tàu, ta cũng không dám dấn động đến. Vì rằng cái lý bao giờ cũng đi theo với cái “lực”, lực mình không đủ, còn nói lý được với ai” (T. A, 1938, số 344, ra ngày 5-8, tr.1+4). Trong suốt trường kỳ lịch sử, nhiều dân tộc đã nhờ đường lối liên lập mà tạo nên được sức mạnh khả dĩ đương đầu được với mọi thế lực xâm lăng. Điều quan trọng, những sự liên lập nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và lợi ích dân tộc cũng như đảm bảo cho sự phát triển đất nước, phù hợp với xu thế lịch sử thì càng cần được xem xét, coi trọng. Đây không chỉ là bài học riêng cho Philippines ngày ấy mà cũng là xu thế phát triển của tất cả các nước, với những hình thức, cách thức và qui mô khác nhau, cần xây dựng chiến hào liên lập vững chắc, qua đó củng cố sức mạnh của toàn dân tộc.

Giữa thời thực dân nửa phong kiến, ông Hoàng Văn Sự (có lẽ là bậc tai mắt, có uy tín trong làng quan chức Pháp – Nam đương thời) ở bài viết *Trong một buổi chuyện với người đại diện của Chánh phủ từ 7 năm trước, tôi đã nói đến đảo Hải Nam và Đông Dương đối với mắt Nhật (Những lẽ khiến người Nam cần phải cùng người Pháp cố giữ Đông Dương)* đã thể hiện rõ chính kiến cá nhân trong sự tự ý thức về truyền thống, bản lĩnh dân tộc và những hiểm họa nhãn tiền, đồng thời mở rộng tầm nhìn khi đối sánh Đông – Tây, đi sâu phân tích các tương quan lịch sử, đau xót nhận ra tấn bi kịch và thực trạng đất nước trước xu thế thực dân hóa, từ đó đi sâu phân tích cơ chế của mối quan hệ Pháp – Nam, xác định thực tế xã hội và những phương diện tích cực của sức mạnh liên lập: “Sau một hồi khủng hoảng vì phá hoại để chinh phục, mấy mươi năm lòng người còn xao xác kinh sợ, thì nay đã là thời kỳ dành phạt yên ổn rồi. Chánh phủ bảo hộ đang lo kiến thiết, lòng người cũng đang được nhờ. Chúng tôi là bọn người hậu tiến, chịu giáo hóa của nước Pháp, đã được thấy rõ lực lượng và đã đọc kỹ tư tưởng của nước Pháp, chúng tôi cũng tự an ủi một vài phần và yên lòng chờ đợi” (Hoàng Văn Sự, 1938, số 347, ra ngày 16-8, tr.1+3). Đọc qua các ý kiến có thể thấy nhà trí thức Hoàng Văn Sự thực sự trăn trở về vấn đề chủ quyền biển đảo đất nước. Tác giả cũng nói thẳng nỗi đau xót khi chấp nhận làm con dân một đất nước nô lệ, phụ thuộc, “chịu sự giáo hóa của nước Pháp” nhưng càng đau xót hơn khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm, vùng biển đảo của cha ông để lại bị cướp trắng. Nói khác đi, ký giả Hoàng Văn Sự đã nhận thức rõ được vấn đề chủ quyền biển đảo thiêng liêng của tổ quốc, phải tìm mọi cách để bảo vệ, giữ gìn.

5. Nhận diện du ký vùng Trung Bộ qua trường hợp *Một tuần ở đảo Hoàng Sa của Vĩnh Phúc*

Xem xét các tác phẩm du ký viết về biển đảo vùng Trung Bộ cần đặc biệt chú ý đến ký sự *Một tuần ở đảo Hoàng Sa*, có ý nghĩa như một du ký công vụ của Vĩnh Phúc, ghi chép về những

ngày đến thăm, kiểm tra quần đảo Hoàng Sa (Paracels) và các điểm đảo Boisée (Phú Lâm), Drummond (Duy Mộng), Pattle (Hoàng Sa) và ngang qua các đảo Robert (Hữu Nhật), Duncan (Quang Hòa) do nhà nước Việt - Pháp đương thời quản lý, tiếp nối việc nắm giữ chủ quyền liên tục từ nhiều thế kỷ trước. Trên thực tế, vào thời điểm năm 1938, ở khu vực quần đảo Hoàng Sa vẫn có hải đăng do chính quyền nhà nước Việt - Pháp kiểm soát, có các đội lính tập An Nam trấn giữ và cho phép người Nhật đến khai thác phosphate và hải sản: "Trong khi tàu bỏ neo trước đảo Brummond, tối đến đã thấy tận chân trời một ngọn đèn phare nhấp nháy. Ngọn đèn ấy của Sở Địa dư Đông Dương đặt ở đảo Patle từ Novembre 1937 để giúp các nhà hàng hải tránh sự hiểm nghèo quanh quần đảo ấy trong những đêm gió bão mịt mù... Trưa hôm sau tàu mới đỗ trước đảo Patle. Đảo này cũng bé nhỏ hơn đảo Boisée, nhưng quan hệ hơn là vì nó nằm gần bờ biển Đông Dương nhứt. Cũng như ở ba đảo kia, đảo này không có cây to. Ngọn đèn phare đặt về phía tây đảo, thấp bằng hơi đá (acétylène), sáu tháng phải ra thay một bận. Cách đó chừng 100 thước có một cái miếu nhỏ; sau miếu lại có một tượng đá hình người đàn bà chấp tay trước ngực. Tượng cao chừng 1m50, chạm trổ rất đẹp" (Vinh Phúc, 1938, số 345, ra ngày 9-8, tr.1+4). Đồng thời trong tâm thế người ra thăm, kiểm tra biển đảo, Vinh Phúc nhấn mạnh vấn đề chủ quyền, vẻ đẹp, sự hùng vĩ, giàu có và "sự lợi ích" về kinh tế, nghề cá, giao thương, khai mỏ, việc dụng binh, bảo vệ an ninh hàng hải ở quần đảo Hoàng Sa: "Trên đảo Patle hiện nay là nơi căn cứ của đội lính tập An Nam. Chánh phủ không những muốn lập ở đó một đài thiên văn, còn muốn làm nơi trú ngụ cho những người chài lưới An Nam ra đó làm nghề. Tôi không muốn bàn những sự lợi ích về việc dụng binh hay là một vấn đề gì khác, tôi chỉ tiếc ở đây Tây Sa còn biết bao nhiêu mối lợi có thể nuôi sống biết bao nhiêu là gia đình. An Nam bấy lâu chỉ lo bo bo quanh nhà để chịu đói cực. Không kể đến những mỏ phosphate, riêng một nghề câu cá cũng đủ làm giàu. Nhiều thủy thủ đứng trên tàu La Marne, thả sợi dây có lưỡi câu móc miếng thịt bò mà cũng có thể kéo lên được nhiều con cá rất to và rất ngon. Nếu người ta biết dùng những khí cụ thích hợp thì kết quả tất phải mỹ mãn lắm" (Vinh Phúc, 1938, số 345, ra ngày 9-8, tr.4). Toàn bộ sự mô tả nói trên cho thấy nhà nước Việt - Pháp đương thời đã hiện diện, sở hữu, thiết lập ở quần đảo Hoàng Sa những đội lính tập, ngọn hải đăng và kiểm soát việc khai khoáng, ngư trường, đánh bắt hải sản. Đương nhiên cả tác giả, nhà nước Pháp - Việt và những người đương làm việc ở Hoàng Sa khi ấy đều ý thức sâu sắc về chủ quyền và trách nhiệm đối với vùng biển đảo tổ quốc.

Một vùng duyên hải không nhiều đồng bằng, một vùng bờ biển với nhiều dãy núi chạy áp sát bờ biển và một vùng biển đảo xa rộng quy định đặc điểm Địa - Văn hóa, sinh thái sắc nét cho thể tài du ký viết về vùng Trung Bộ.

6. Kết luận

Trên cơ sở sưu tập các văn bản thuộc thể tài văn học du ký - du hành giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX có thể nhận ra sắc thái địa - văn hóa, môi trường sinh thái, tâm thế ký giả - người du hành, xu thế hội nhập, phát triển, hiện đại hóa của ngành du lịch về vùng duyên hải và biển

đảo miền Trung Bộ. Từ sự so sánh và đối sánh các tác phẩm du ký có thể nhận thức đầy đủ mối quan tâm, diện mạo, đặc điểm, vị thế cũng như bài học kinh nghiệm, khả năng ứng phó, dự báo xã hội mang tính cụ thể, đặc thù, sinh động vùng Trung Bộ trong tổng thành nền văn hóa biển đảo Việt Nam. Việc khảo sát, nghiên cứu, nhận diện chuyên biệt từng tiểu vùng trong vùng miền Trung Bộ nói riêng đặt trong tổng thể, toàn cảnh nền văn hóa duyên hải và biển đảo Việt Nam ngày càng có ý nghĩa quan trọng và vẫn còn là câu chuyện ở phía trước.

Tài liệu tham khảo:

Đào Hùng. (1930, ngày 2 tháng 10). Thăm cửa biển Thị Nại, lên núi Hoành Sơn, viếng mộ Tây Sơn. *Phụ nữ tân văn*, 73, trang 9-12.

Đinh Gia Trinh: *Kỷ niệm Phan Thiết. Thanh nghị*, số 12, ra ngày 1-5-1942, tr.26-27+31.

Đinh Gia Trinh: *Kỷ niệm Phan Thiết. Thanh nghị*, số 17, ra ngày 16-7-1942, tr.13-14+31.

Hoàng Văn Sự. (1938, ngày 16 tháng 8), Trong một buổi chuyện với người đại diện của Chánh phủ từ 7 năm trước, tôi đã nói đến đảo Hải Nam và Đông Dương đối với mắt Nhật (Những lễ khiến người Nam cần phải cùng người Pháp cố giữ Đông Dương). *Tràng An báo*, 347, trang 1-3.

Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi. (Đồng chủ biên, 1992). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Giáo dục, 75-76.

Ngọc Em: *Vài trang du ký chơi núi Ngũ Hành Sơn*. *Tràng An báo*, số 346, ra ngày 12-8-1938, tr.1+4.

Nguyễn Hữu Sơn. (2014), Vai trò chủ thể tác giả trong du ký về các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. *Nghiên cứu Văn học*, 8, 3-18.

Nguyễn Hữu Sơn. (2016). Nhận diện du ký biển đảo Việt Nam qua các vùng văn hóa. *Nghiên cứu Văn học*, 6, 54-63.

Nguyễn Thị Kiêm: Dưới chơn Đèo Cả. *Phụ nữ tân văn*, số 252, ra ngày 2-8-1934, tr.7-8.

Nguyễn Trọng Thuật: Nam du đến Ngũ Hành Sơn (2 kỳ). *Nam phong tạp chí*, số 184, tháng 5-1933, tr.437-448.

Phạm Quỳnh. (1922, tháng 4). Pháp du hành trình nhật ký. *Nam phong tạp chí*, 58, tháng 4, 254-255, 257.

Phan Thị Nga. (1935), Ra Cù Lao Yến. *Ngày nay*, số 10, tr.4-5; số 11, tr.4-5.

Sơn Xuyên (Sài Gòn, 1934); - Sơn Xuyên: *Quê hương tôi - Những thắng cảnh của vũ trụ đã bằng quê hương của ta*. Sài Gòn, số 468, ra ngày 7-12-1934, tr.7; số 469 ra ngày 8-12-1934, tr.7.

T. A. (1938, ngày 5 tháng 8). Vì có vấn đề quần đảo Paracels, danh hiệu nước Việt Nam sẽ xuất hiện trên trường quốc tế: Chúng ta nên nhân dịp này mà làm cho quốc gia Việt Nam được thực hiện. *Tràng An báo*, 344, trang 1-4.

Thúc Dật. (1938, ngày 15 tháng 7), Một vấn đề tối quan trọng hiện thời – đảo Hoàng Sa (Archipel des Paracels) – Chúng tôi quả quyết nói lớn rằng: Nước Nam khai thác đảo Hoàng Sa đã 240 năm nay! Trước tòa quốc tế trọng tài La Haye cái thuyết của chúng tôi phải thắng. *Tràng An báo*, 338, trang 1-3.

Trần Quốc Vượng. (Chủ biên, 2003). *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (phiên bản 6). Hà Nội: Giáo dục.

Trương Lập Tạo. (1938, ngày 22 tháng 7). Một vấn đề quốc tế nghiêm trọng hiện thời: lịch sử cận đại của đảo Paracels. *Tràng An báo*, 340, trang 1-4.

Vĩnh Phúc. (1938, ngày 9 tháng 8), Một tuần ở đảo Hoàng Sa. *Tràng An báo*, 345, trang 1-4.

X. (1917). Đi chơi ngoài Bắc Kỳ, Huế và bên Tàu. *Nam Kỳ địa phận Nam Kỳ địa phận*, 462, 780-781.

X. (1918), Đi chơi ngoài Bắc Kỳ, Huế và bên Tàu. *Nam Kỳ địa phận Nam Kỳ địa phận*, 476, 187-189.